TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H **Tỉnh Thanh Hóa**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **93**/2021/QĐST-DS	*Hậu Lộc, ngày 30 tháng 9 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 9 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 68/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 8 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Bưu điện L.

Địa chỉ: Tòa nhà C, phường C, Quận H, TP. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Chức vụ:Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Tiến D - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP Bưu điện L, chi nhánh Thanh Hóa.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Minh H – Chức vụ: Giám đốc PGD H – Ngân hàng TMCP Bưu điện L – chi nhánh Thanh Hóa. (Theo quyết định ủy quyền số 40/2021/QĐ – LPB. TH ngày 17/5/2021)

Địa chỉ: Ngân hàng Bưu điện Lt – CN Thanh Hóa, PGD H, số 66, Quốc lộ 10, Khu 4, Thị trấn H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Ông Lê Văn B, sinh năm 1988

Bà Bùi Thị T, sinh năm 1994

Ông Lê Văn B uỷ quyền cho bà Bùi Thị T tham gia tố tụng tại Toà án theo giấy uỷ quyền ngày 16/8/2021.

Đều có địa chỉ: Thôn T (nay là thôn K), xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ: Tính đến ngày 22/9/2021 ông Lê Văn B và bà Bùi Thị T còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện L tổng số tiền là 161.264.319 đồng (Một trăm sáu mươi mốt triệu hai trăm sáu tư nghìn ba trăm mười chín đồng). Trong đó gốc: 153.436.867 đồng, lãi trong hạn 1.136.529 đồng, lãi quá hạn 6.690.923 đồng.

*2.2. Về thời gian và phương thức trả nợ***:** Các bên thoả thuận chia làm 06 kỳ trả như sau:

- Kỳ 1: Từ nay đến ngày 25/10/2021 ông B, bà T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu điện L số tiền gốc 20.000.000 đồng.
- Kỳ 2: Từ ngày 26/10/2021 đến ngày 25/11/2021 ông B, bà T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu điện L số tiền gốc 20.000.000 đồng.
- Kỳ 3: Từ ngày 26/11/2021 đến ngày 25/12/2021 ông B, bà T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu điện L số tiền gốc 20.000.000 đồng.
- Kỳ 4: Từ ngày 26/12/2021 đến ngày 25/01/2022 ông B, bà T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu điện L số tiền gốc 30.000.000 đồng.
- Kỳ 5: Từ ngày 26/01/2022 đến ngày 25/02/2022 ông B, bà T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu điện L số tiền gốc 30.000.000 đồng.
- Kỳ 6: Từ ngày 26/02/2022 đến ngày 25/03/2022 ông B, bà T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Bưu điện L số tiền gốc còn lại 33.436.867 đồng và toàn bộ số tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày thỏa thuận (ngày 23/9/2021) ông B, bà T còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất đã thỏa thuận theo hợp đồng cho vay hạn mức số: HĐTD4232017376 ngày 15/12/2017 và hợp đồng tín dụng số HĐTD4232020369 ngày 01/10/2020 tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Nếu ông B, bà T vi phạm bất kỳ lần trả nợ nào mà ông B, bà T đã cam kết thì Ngân hàng có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án thi hành toàn bộ khoản nợ còn lại.

Trường hợp ông Lê Văn B và bà Bùi Thị T không trả nợ toàn bộ số tiền đã thỏa thuận trên và kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì bên được thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Bưu điện L và các khoản chi phí phát sinh.

Tài sản thế chấp của ông Lê Văn B và bà Bùi Thị Th theo biên bản xem xét,

thẩm định ngày 17/9/2021 gồm:

* Quyền sử dụng đất: Số CI574481; số vào sổ cấp GCN: CH01880 do UBND huyện H cấp ngày 23/10/2017 cho ông Lê Văn B và bà Bùi Thị T ở thôn T (nay là thôn K), xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Tại thửa số 47, tờ bản đồ số 13 với diện tích 272 $m^{2,}$. Qua đo đạc có tứ cạnh như sau:

Phía Nam giáp thửa số 47a, có số đo 29.16m; phía Bắc giáp ngõ đi và thửa 22 + 46 + thửa 23, có số đo 29.8m; phía Đông giáp giáp thửa số 23 + đường nội thôn có số đo 13.2m; phía Tây giáp thửa số 22 + 46 có số đo 16.18m.

* Về nhà ở: 01 nhà ở cấp bốn lợp tôn. Diện tích xây dựng 70m^2, 01 công trình phụ diện tích 25 m^2, xây dựng năm 2017.

Nếu tài sản thế chấp kê biên phát mại không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Lê Văn B và bà Bùi Thị T vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ bằng các tài sản khác của ông B và T cho đến khi thanh toán hết khoản nợ vay theo Hợp đồng tín dụng.

Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 376/2017/HĐTC/PGDHAULOC ngày 15/12/2017 được công chứng tại Văn phòng Công chứng An Dân, số công chứng 2959 quyển số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 15/12/2017 và Phụ lục hợp đồng số PL01 – 376/2017/HĐTC/PGDHAULOC ngày 01/10/2020 được công chứng tại Văn phòng Công chứng An Dân, số công chứng 2508 quyển số 03/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/10/2020.

3. Về án phí: Ông Lê Văn B và bà Bùi Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.031.000 đồng (Bốn triệu không trăm ba mươi mốt nghìn đồng).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Bưu điện L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.921.000 đồng *(Ba triệu chín trăm hai mươi mốt nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0008292 ngày 04/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND tỉnh Thanh Hoá*
- *VKSND huyện H;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Cao Thị Nga